TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 350/2019/HSST
Ngày: 26 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Định.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Nam và ông Lê Như Toản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Kim Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 372/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Kim N**- Sinh năm: 1983 tại huyện V, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: Ấp 9, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Minh M (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; Không có chồng, có 01 con trai (Lê Hoài N) sinh năm 2012; Tiền án, Tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2019, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Bà Phạm Thị D - sinh năm 1949. Địa chỉ: tổ 10, khu 9, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (Có đơn xin xử án vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Hoàng Thế L - Sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn chợ Rộc, xã T, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (Có đơn xin xử án vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Kim T - Sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn 9, xã H, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. Anh Nguyễn Duy H- Sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn 9, xã H, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Phan Văn N, có mặt.

2. Anh Nguyễn Hữu L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7 năm 2019, Lê Thị Kim N được người quen biết giới thiệu đến làm giúp việc cho gia đình bà Phạm Thị D ở tổ 10, khu 9, phường H, thành phố Hạ Long. Trong quá trình giúp việc N thấy bà D có 01 chiếc hòm bằng tôn màu sáng kim loại đã cũ được khóa bằng ổ khóa Việt Tiệp, chìa khóa được móc trong chùm chìa khóa nhà. Chiếc hòm được để dưới gầm giường trong phòng tầng 1 nơi N ở. Đến khoảng 07 giờ ngày 05/8/2019, N đã lấy chùm chìa khóa ở trên mặt bàn để mở khóa chiếc hòm trên lấy trộm 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng để trong 02 hộp nhựa đỏ; 01 chiếc dây chuyền kim loại màu vàng và 01 chiếc nhẫn có hoa văn hình hoa lá, trên mặt có gắn 01 viên đá màu xanh để trong 01 hộp nhựa đỏ. Sau khi lấy được dây chuyền và nhẫn vàng trên, N cất vào chiếc túi xách của mình và tiếp tục dọn dẹp bán hàng cùng bà D. Đến khoảng trưa ngày 06/8/2019, N xin phép bà D về nhà trọ tại phường Y, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh và hẹn hôm sau sẽ quay lại. Sau đó N đi xe buýt từ Hạ Long đến cửa hàng vàng của anh Hoàng Thế L địa chỉ: Thôn chợ R, xã Tiền An, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh giao dịch với anh L để bán số vàng trên, anh L hỏi N " Vàng" ở đâu, N nói là " Vàng của mình" nên anh L đã đã đồng ý mua và trả cho N 12.860.000 đồng (mười hai triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng). N cầm số tiền trên đi ăn tiêu, trả nợ và mua 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung với giá 2.800.000 đồng, số tiền còn lại là 2.810.000 đồng (hai triệu tám trăm mười nghìn đồng). Khoảng 09 giờ ngày 07/8/2019, N quay lại nhà bà D để tiếp tục làm việc. Đến ngày 10/8/2019, bà D phát hiện bị mất số nhẫn và dây chuyền vàng trên nên đã đến Công an phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long trình báo. Cùng ngày, N đến Công an đầu thú và giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung cùng số tiền 2.810.000 đồng.

Anh Hoàng Thế L đã nộp lại cho Cơ quan điều tra toàn bộ số vàng đã mua của bị cáo Lê Thị Kim N.

Tại kết luận giám định vàng số 34/KLGĐV, ngày 15/8/2019, của Công ty vàng bạc đá quý Hạ Long kết luận: Phần kim loại của 03 chiếc nhẫn và 01 dây chuyền đều được làm bằng vàng, trong đó:

- 01 nhẫn vàng, đường kính 1,9cm, bên trong có khắc ký hiệu "9999" và ký hiệu "1CHI", trọng lượng 0,96 chỉ, là loại vàng 24K, giá trị tại thời điểm xâm phạm là 3.700.000 đồng.

- 01 nhẫn vàng, đường kính 1,9cm, bên trong có 02 chữ "HỮU QUANG" và 01 kí hiệu "1" có tổng trọng lượng là 0,99 chỉ, là loại vàng 24K, giá trị tại thời điểm xâm phạm là 3.850.000 đồng.

- 01 nhẫn vàng, đường kính 1.8cm, hai cạnh có hoa văn hình bông hoa năm cánh, 03 hoa văn hình lá ở mỗi bên, bên trên có đánh 01 khay gắn đá hình oval, trong có gắn 01 viên đá màu xanh có tổng trọng lượng là 0,96 chỉ, là loại vàng 23K, trị giá tại thời điểm xâm phạm là 3.500.000 đồng. Phần viên đá màu xanh gắn trên khay chỉ là đá công nghiệp trang trí, không có giá trị.

- 01 sợi dây chuyền vàng tây dài 53 cm gồm nhiều mắt nối lại với nhau, tổng trọng lượng là 2,11 chỉ, là loại vàng 14K, giá trị tại thời điểm xâm phạm là 4.400.000đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 195/KLĐG, ngày 19/8/2019, của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hạ Long kết luận:

- 01 nhẫn vàng, đường kính 1,9cm, bên trong khắc ký hiệu "9999", ký hiệu "1CHI", trọng lượng 0,96 chỉ, vàng 24K, tại thời điểm xâm phạm trị giá 3.700.000 đồng.

- 01 nhẫn vàng, đường kính 1,9cm, bên trong có 02 chữ "HỮU QUANG" kí hiệu "1", trọng lượng là 0,99 chỉ, vàng 24K, tại thời điểm xâm phạm trị giá 3.850.000 đồng.

- 01 nhẫn vàng, đường kính 1.8cm, hai cạnh có hoa văn hình bông hoa năm cánh, 03 hoa văn hình lá ở mỗi bên, bên trên có đánh 01 khay gắn đá hình oval, trong có gắn 01 viên đá màu xanh, trọng lượng là 0,96 chỉ, vàng 23K, tại thời điểm xâm phạm trị giá 3.500.000 đồng.

- 01 sợi dây chuyền vàng dài 53 cm gồm nhiều mắt nối lại với nhau, trọng lượng là 2,11 chỉ, là loại vàng 14K, tại thời điểm xâm phạm trị giá 4.400.000đ.

Tổng giá trị là 15.450.000đồng (Mười năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại phiên toà bị cáo Lê Thị Kim N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Bị hại bà Phạm Thị D vắng mặt tại phiên tòa, tại cơ quan điều tra bà có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo về nội dung vụ án. Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/11/2019 bà D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại vì bà đã được trả lại toàn bộ số vàng bà đã bị mất, ngoài ra trong đơn bà D còn trình bày: Quá trình bị cáo N mở khóa lấy trộm tài sản của bà (số vàng như bà đã khai trước đây), thì trong hòm bà còn để rất nhiều tiền do bà bán hàng có được, nhưng bà không biết rõ số tiền đó cụ thể là bao nhiêu, khi bị cáo N mang vàng của bà đi bán được 12.860.000đồng, N đã chi tiêu và mua điện thoại di động, còn lại 2.810.000đồng. bà D cho rằng số tiền N có được là tiền của bà nên trong quá trình điều tra bị cáo N đã tự nguyện giao lại cho bà chiếc điện thoại Samsung và số tiền 2.810.000 để bồi thường nên bà đã không có ý kiến gì về chiếc điện thoại và số tiền trên. Nhưng nay Công an đã thu giữ chiếc điện thoại và số tiền N đưa cho bà nên bà yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bà 01 chiếc điện thoại SamSung và số tiền 2.810.000đồng mà cơ quan Công an đã thu giữ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Kim T, anh Nguyễn Duy H và người làm chứng anh Phan Văn N tại phiên tòa có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo về nội dung vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Thế L và người làm chứng anh Nguyễn Hữu L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo và bị hại về nội dung vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 313/CT-VKSHL ngày 25/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đã truy tố bị cáo Lê Thị Kim N về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Lê Thị Kim N về tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt Lê Thị Kim N từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 10/8/2019;

Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại SamSung và số tiền 2.810.000đồng.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long và bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã trình bày và xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hạ Long, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị Kim N khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng, của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Hồi 07 giờ, ngày 05/8/2019, tại nhà bà Phạm Thị D ở tổ 10, khu 9, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Lê Thị Kim N có hành vi trộm cắp 01 chiếc nhẫn vàng 24K trị giá 3.700.000đ; 01 chiếc nhẫn vàng 24K trị giá 3.850.000đ, 01 chiếc nhẫn vàng 23K trị giá 3.500.000đ và 01 sợi dây chuyền vàng 14K trị giá 4.400.000đ. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 15.450.000 đồng của bà Phạm Thị D.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị Kim N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân TP. Hạ Long đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội và gây bất bình trong quần chúng nhân dân, vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, điều khoản truy tố, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đề nghị áp dụng là có căn cứ, phù hợp với nội dung của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nhân thân: Bị cáo N là người có nhân thân thân tốt, có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là người không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đã tác động người thân khắc phục hậu quả; Được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về hình phạt: Do bị cáo N có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo N là người không có công ăn việc làm, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 03 chiếc nhẫn vàng và 01 sợi dây chuyền vàng, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung và số tiền 2.810.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là tiền và tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu phát mại sung N sách Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được trả lại toàn bộ số vàng bị trộm cắp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Hoàng Thế L) đã được trả lại số tiền mua vàng nên không ai có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Duy H) không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh chị số tiền mà anh chị đã trả cho anh Hoàng Thế L, nên Hội động xét xử cũng không đề cập giải quyết.

[9] Nội dung khác:

- Đối với anh Hoàng Thế Long là chủ cửa hàng vàng đã mua lại số vàng trên của bị cáo Lê Thị Kim N nhưng anh Long không biết đó là tài sản phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị D về việc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bà 01 chiếc điện thoại SamSung và số tiền 2.810.000đồng mà cơ quan Công an đã thu giữ vì bà D cho rằng ngoài số vàng bà bị N lấy trộm thì N còn lấy trộm của bà một số tiền khác nữa nên phải trả lại cho bà chiếc điện thoại và số tiền trên là để bồi thường số tiền bà bị N lấy trộm. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay không có đủ cơ sở kết luận bị cáo N đã trộm cắp tiền của bà D (ngoài việc trộm cắp số vàng) nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà D.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị Kim N** phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị Kim N** 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 10/8/2019.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu phát mại sung N sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samung và số tiền 2.810.000đồng.

(Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 53/BB-THA ngày 22/11/2019 giữa Công an thành phố Hạ Long và Chi cục thi hành án thành phố Hạ Long).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Thị Kim N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Lê Thị Kim N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *Bị cáo, bị hại, người liên quan;*
- *VKSND TP. Hạ Long;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Cơ quan điều tra Công an TP. Hạ Long;*
- *Cơ quan THAHS TP. Hạ Long;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Q.Ninh;*
- *Chi cục THADS TP. Hạ Long;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng, THA.*

Nguyễn Thị Định